

8.2. Kế hoạch dạy học chuẩn

8.2.1. Kỳ I năm thứ nhất

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	PHYL00	Triết học Mác-Lê nin	Marxist-Leninist philosophy	3	3	0	0	0	BM Lý luận chính trị
2	ANAT00	Giải phẫu	Anatomy	3	2	1	0	0	BM Giải phẫu
3	GENB03	Sinh học và di truyền	Biology and Genetic	3	2,5	0,5	0	0	BM Y sinh học - Di truyền
4	POPU00	Dân số học	Population	2	2	0	0	0	BM Dân số học
5	LANG01	Ngoại ngữ 1	Foreign language I	3	3	0	0	0	BM Ngoại ngữ
Tổng số tín chỉ				14	12,5	1,5	0	0	/

8.2.2. Kỳ II năm thứ nhất

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	Political Economics	2	2	0	0	0	BM Lý luận chính trị
2	PHYS00	Sinh lý học	Physiology	3	2	1	0	0	BM Sinh lý học
3	CHEM00	Hóa học	Chemistry	2	1,5	0,5	0	0	BM Hóa học
4	INFO01	Tin học đại cương	Informatics	2	1	1	0	0	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh
5	PHYE01	Giáo dục thể chất 1	Physical education I	1	0	1	0	0	BM Giáo dục Thể chất
6	PHYE02	Giáo dục thể chất 2	Physical Education II	1	0	1	0	0	BM Giáo dục Thể chất
7	MILI01	Giáo dục quốc phòng 1	Military Education I	3	3	0	0	0	BM Giáo dục Quốc phòng
8	MILI02	Giáo dục quốc phòng 2	Military Education II	2	2	0	0	0	BM Giáo dục Quốc phòng

9	MILI03	Giáo dục quốc phòng 3	Military Education III	1,5	0	1,5	0	0	BM Giáo dục Quốc phòng
10	MILI04	Giáo dục quốc phòng 4	Military Education IV	2	0	2	0	0	BM Giáo dục Quốc phòng
11	LANG02	Ngoại ngữ 2	Foreign language II	2	2	0	0	0	BM Ngoại ngữ
Tổng số tín chỉ				21,5	13,5	8	0	0	/

8.2.3. Kỳ 1 năm thứ hai

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	LANG03	Ngoại ngữ 3	Foreign language III	2	2	0	0	0	BM Ngoại ngữ
2	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2	0	0	0	BM Lý luận chính trị
3	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	Physical education III	1	0	1	0	0	BM Giáo dục Thể chất
4	PSYE00	Tâm lý - Đạo đức y học	Medical Psychology Ethics	-2	1,5	0,5	0	0	BM Y đức và Tâm lý học
5	BIOC00	Hoá sinh	Biochemistry	3	2	1	0	0	BM Hoá sinh
6	PARA00	Ký sinh trùng	Parasitology	2	1	1	0	0	BM Ký sinh trùng
7	SKIL01	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành dinh dưỡng	Communication skills in nutrition practice	2	1	1	0	0	BM Giáo dục sức khỏe
8	ENVI00	Khoa học môi trường - Sức khỏe môi trường	Environmental Science Environmental Health	-2	1,5	0,5	0	0	BM Sức khỏe môi trường
9	HEDU00	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	Health Education and Promotion	2	1	1	0	0	BM Giáo dục sức khỏe

10	NUTB00	Dinh dưỡng cơ sở	Basics of Nutrition	3	2	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
11	SCIN00	Khoa học thực phẩm và dinh dưỡng	Food and Nutrition science	2	1	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
Tổng số tín chỉ				23	15	8	0	0	/

8.2.4. Kỳ II năm thứ hai

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	0	0	BM Lý luận chính trị
2	PATI00	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Pathophysiology - Immunology	2	1,5	0,5	0	0	BM Sinh lý bệnh - Miễn dịch
3	MICR00	Vi sinh	Microbiology	2	1	1	0	0	BM Vi sinh
4	PHAR03	Thuốc và thực phẩm	Drugs and Food	2	2	0	0	0	BM Dược lý
5	NUTC01	Dinh dưỡng cộng đồng - Văn hóa xã hội	Community nutrition and social - culture	3	2	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
6	NUTE00	Truyền thông và giáo dục dinh dưỡng	Nutritional Education and Communication	2	1	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
7	COMM00	Thực tế cộng đồng	Community-Based Fieldwork	1	0	0	0	1	Viện ĐT YHDP&YTCC
8	ASSE00	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Nutrition Assessment	2	1	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
9	NUTD00	Tự chọn I: Chọn trong 3 môn - Dinh dưỡng và các bệnh mãn tính không lây	- Nutrition and noncommunicable diseases - Epidemiology and research	3	2	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm

	EPID09	- Dịch tễ học các	methods in						
	NUTP00	PPNC trong DD	nutrition						
		- Dinh dưỡng và	- Nutrition and						
		hoạt động thể	physical						
		lực	activity						
Tổng số tín chỉ				19	12,5	5,5	0	1	/

8.2.5. Kỳ I năm thứ ba

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	PHYE05	Y học thể dục thể thao	Sport Medicine	1	1	0	0	0	BM Giáo dục Thể chất
2	STAB00	Thống kê Y sinh học	Biostatistics	2	1	1	0	0	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh
3	RESE00	Nghiên cứu khoa học	Research Methodology	2	1	1	0	0	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh
4	SAFE00	An toàn vệ sinh thực phẩm	Food safety and hygiene practice	3	2	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
5	NUTA00	Dinh dưỡng lứa tuổi	Nutrition for all ages	2	2	0	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
6	NUTS00	Dinh dưỡng học đường	School Nutrition	2	1	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
7	PEDI00	Nhi khoa	Pediatrics	4	2	0	2	0	BM Nhi
8	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2	0	0	0	BM Lý luận chính trị
Tổng số tín chỉ				18	12	4	2	0	/

8.2.6. Kỳ II năm thứ ba

TT	Mã học	Tên học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị phụ trách
----	--------	--------------	--------------	------------	------------------

	phần	tiếng Việt	tiếng Anh	Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	NUTI00	Can thiệp dinh dưỡng	Nutrition Intervention	3	2	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
2	INTE00	Nội khoa	Internal Medicine	5	3	0	2	0	BM Y học gia đình
3	SURG00	Ngoại khoa	Surgery	4	2	0	2	0	BM Ngoại
4	RESU00	Dinh dưỡng Hồi sức cấp cứu	Nutrition Emergency Resuscitation	3	2	0	1	0	BM Hồi sức cấp cứu
5	NUTH01	Tự chọn II: Chọn trong 3 môn - Tổ chức quản lý dinh dưỡng bệnh viện	- Organization and management of nutrition in the hospital - Food hygiene	3	2	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
	HYGI00	- Kiểm tra vệ sinh thực phẩm ở cơ sở	- checking at facilities						
	SAFE02	- Triển khai quản lý các chương trình ATTP ở cộng đồng	- Implementation, management of food safety programs in the community						
Tổng số tín chỉ				18	11	2	5	0	/

8.2.7. Kỳ I năm thứ tư

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	LAWS01	Pháp luật đại cương	The State and Law	2	2	0	0	0	BM Y đức và Tâm lý học
2	NUTT01	Dinh dưỡng điều trị I	Nutrition Therapy I	6	3	3	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
3	COOK00	Kỹ thuật chế biến	Cooking	2	1	1	0	0	BM Dinh dưỡng

		biến món ăn	techniques						và An toàn thực phẩm
4	DIEN00	Tư vấn dinh dưỡng tiết chế	Nutrition and Dietetic counseling	3	2	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
Tổng số tín chỉ				13	8	5	0	0	/

8.2.8. Kỳ II năm thứ tư

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	NUTT02	Dinh dưỡng điều trị II	Nutrition Therapy II	5	3	2	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
2	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	Personal and Professional Development	4	2	2	0	0	Trung tâm PTCT&TVNLYT
3	INTC00	Thực tế tốt nghiệp	Graduation Internship	5	0	0	5	0	Viện ĐT YHDP&YTCC
4	THEC00	Thực hành nghiên cứu tự chọn (khóa luận TN)	Research Practice Graduation Thesis	6	6	0	0	0	Viện ĐT YHDP&YTCC
Tổng số tín chỉ				20	11	4	5	0	/